

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/DS-PT

Ngày 04-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga;

Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lệ T; (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm X, Phường Y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn S; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Phan Thị L (Phan Ngọc L); (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: Bà Phan Thị L (Phan Ngọc L) - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T đều trình bày:

Vào ngày 25-02-2014, bà có đứng ra vay dùm cho bà L với ông S số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 năm. Bà vay tiền của ông Trịnh Thanh Q (thường gọi là C) ở khóm X, phường Y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Bà L và ông S có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 764, tờ bản đồ 04, diện tích là 144m², tọa lạc tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng để thế chấp. Trong quá trình vay, bà L có hỏi mượn bà số tiền 20.000.000 đồng để đóng lãi cho ông C.

Đến ngày 21-8-2017 dương lịch, bà L và ông S yêu cầu chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng chỉ đưa số tiền có 50.000.000 đồng nên ông C không đồng ý; bà L và ông S tiếp tục hỏi mượn bà số tiền 50.000.000 đồng nữa để đưa cho ông C thì ông C đồng ý cho chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi chuộc giấy xong, bà với bà L có làm biên nhận với nhau với nội dung bà L còn nợ lại bà số tiền 126.500.000 đồng. Sau đó, vợ chồng bà L có gửi trả tiền vay cho ông C thêm 13.000.000 đồng. Hiện nay số tiền bà hỏi vay dùm vợ chồng bà L bà đã trả cho ông C xong. Đối với số tiền 70.000.000 đồng vợ chồng bà L hỏi mượn bà thì không có làm biên nhận. Khi làm đơn khởi kiện bà không có trừ số tiền 13.000.000 đồng mà vợ chồng bà L đã gửi trả cho ông C nên bà xin rút lại phần này.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông S trả cho bà số tiền bà hỏi vay dùm 113.500.000 đồng (đã trừ 13.000.000 đồng) và tiền bà cho mượn riêng 70.000.000 đồng, tổng cộng là 183.500.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị L (Phan Ngọc L) trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 25-02-2014, vợ chồng bà có nhờ bà T hỏi vay của ông C số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 năm và có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 764, tờ bản đồ 04, diện tích 144m², tọa lạc tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng để thế chấp, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên trong 01 năm vợ chồng bà chưa trả được. Sau đó, bà có hỏi mượn bà T số tiền 20.000.000 đồng để đóng lãi. Đến ngày 21-8-2017 dương lịch, vợ chồng bà đưa 50.000.000 đồng để yêu cầu chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông C không đồng ý nên bà mới mượn của bà T thêm 50.000.000 đồng để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại đây, bà có làm biên nhận còn nợ lại bà T số tiền 126.500.000 đồng (trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi 76.500.000 đồng) và bà có ký tên vào biên nhận. Sau đó nữa, vợ chồng bà có gửi trả nhiều lần được tổng số tiền 13.000.000 đồng. Số tiền mượn riêng 70.000.000 đồng thì vợ chồng bà cũng chưa trả cho bà T.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà T tổng cộng là 120.000.000 đồng (trong đó 70.000.000 đồng mượn riêng bà Thủy và 50.000.000 tiền nợ gốc mà vợ chồng bà nhờ bà T hỏi vay dùm). Đối với số tiền 76.500.000 đồng là tiền lãi đối với số nợ mà bà nhờ bà T hỏi vay dùm thì bà xin không trả do hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại Bản án số 38/2021/DS-ST ngày 14-7-2021, Tòa án nhân dân thị xã

Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 340, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T tổng số tiền còn nợ là 183.500.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T đối với yêu cầu buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L trả số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Đến ngày 04-8-2021, bị đơn bà L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại mức lãi suất vay và khấu trừ lại số tiền mà bà đã trả rồi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà T không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà L không rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn S: Ông S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất để tham gia phiên tòa phúc thẩm và có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà L đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng quá thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc bà L kháng cáo quá hạn là có lý do chính đáng và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét chấp nhận tại Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 10/2021/QĐ-PT ngày 08-9-2021 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đều thừa nhận vào ngày 25-02-2014, vợ chồng bà có nhờ bà T hời vay của ông Trịnh Thanh Q (tên thường gọi là C) cho vợ chồng bà số tiền 150.000.000 đồng. Đến ngày 21-8-2017, vợ chồng bà đã trả được 100.000.000 đồng tiền vốn để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao cho ông C và bà có làm giấy nợ là còn nợ bà T số tiền 126.500.000 đồng, sau đó đã trả nhiều lần được 13.000.000 đồng; ngoài số tiền này thì bà còn thừa nhận vợ chồng bà có nợ thêm bà T số tiền 70.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, vợ chồng bà L còn nợ bà T 02 khoản tổng cộng là 183.500.000 đồng. Theo đơn khởi kiện ngày 15-01-2021, bà T yêu cầu vợ chồng bà L trả số tiền còn nợ là 196.500.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.000.000 đồng mà vợ chồng bà L đã trả nhưng khi khởi kiện bà chưa trừ vào và yêu cầu vợ chồng bà L trả số tiền còn lại là 183.500.000 đồng. Do đó, Cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng thời căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu vợ chồng bà L - ông S có trách nhiệm trả cho bà số tiền còn nợ 183.500.000 đồng là có căn cứ. Bà T kháng cáo yêu cầu xem xét lại mức lãi suất và khấu trừ lại số tiền mà bà đã trả rồi là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, vào ngày 21-8-2017, vợ chồng bà, ông C và bà T đã tất toán nợ với nhau, vợ chồng bà đã lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không còn thiếu tiền ông C nữa và bà đã làm giấy nợ với bà T là nợ bà T số tiền 126.500.000 đồng, trong giấy nợ cũng không thể hiện có tiền lãi và từ khi lập giấy nợ với bà T cho đến nay, bà cũng không có trả tiền lãi cho bà T, số tiền lãi mà vợ chồng bà trả trước đó là trả cho ông C chứ không phải trả cho bà T.

[4] Mặt khác, Cấp sơ thẩm xác định khoản nợ với bà T là nợ chung của vợ chồng bà L - ông S, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng trong phần quyết định của bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc ông S - bà L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền còn nợ là chưa chính xác theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, mà phải tuyên vợ chồng ông S - bà L có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền còn nợ thì mới chính xác và đảm bảo cho việc thi hành án sau này; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho phù

hợp với quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra, Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhưng trong phần quyết định của bản án lại căn cứ khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” là không đúng, mà phải căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì mới đúng. Cấp phúc thẩm yêu cầu cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm chung đối với các sai sót nêu trên.

[5] Các phần khác trong quyết định của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L là người kháng cáo không được chấp nhận, bà cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị L (Phan Ngọc L).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T, về việc yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L (Phan Ngọc L) trả số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lệ T, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L (Phan Ngọc L) trả số tiền còn nợ 183.500.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L (Phan Ngọc L) có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Lệ T số tiền 183.500.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Lệ T thì hàng tháng, ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L (Phan Ngọc L) còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L (Phan Ngọc L) phải cùng liên đới chịu là 9.175.000 đồng (Chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phan Thị L (Phan Ngọc L) phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001062 ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TX. Ngã Năm;
- VKSND TX. Ngã Năm;
- Chi cục THADS TX. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm